

• **Một đời người – Một đời thơ**

*"Dù ai thay ngựa giữa dòng
Đời ta vẫn ngọn cờ hồng cứ đi
Vẫn là ta đó những khi*

Đầu voi ra trận cứu nguy giống nòi..."

* **TỐ HỮU – CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC**

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Ở Tố Hữu có sự thống nhất chặt chẽ giữa nhà cách mạng, nhà chính trị và nhà thơ. Quá trình sáng tác của Tố Hữu gắn bó làm một với quá trình hoạt động cách mạng của ông và các nhiệm vụ của Đảng qua các giai đoạn lịch sử.

1/ Từ ấy (1937-1946)

a. Có ba phần:

* “*Máu lửa*” là những vần thơ ngợi ca lí tưởng, khẳng định niềm tin và tương lai của cách mạng (“*Từ ấy*”, “*Tiếng hát sông Hương*”).

- Nó tố cáo những cảnh bất công trong xã hội, (“*Hai đứa bé*”, “*Vú em*”...), kêu gọi đứng dậy đấu tranh (“*Đi đi em*”, “*Hồn chiến sĩ*”....)

* “*Xiềng xích*” là những sáng tác ở trong tù.

- Nó là tiếng nói của người chiến sĩ nguyện trung thành với lí tưởng, bất chấp “*cái chết đã kề bên*” (“*Con cá chết nửa*”)

- Sự gắn bó thủy chung với đất nước, đồng bào, đồng chí (“*Nhớ đồng*”, “*Nhớ người*” ...)

* “*Giải phóng*”... - Nói lên niềm vui của người tù cách mạng được trở về hoạt động.

- Nó ca ngợi thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945.

b. Đánh giá:

* “*Từ ấy*” được viết do sự thôi thúc của hồn thơ sôi nổi Tố Hữu.

* Nó tiếp nối truyền thống thơ ca phục vụ chiến đấu, cổ động cách mạng.

* Nó không tách rời “*Thơ mới*”. Đó là cái tôi từ chối hạnh phúc cá nhân để lao vào bão táp cách mạng, cái tôi chân thật, có phần non nớt với những tâm tư sầu muộn trên con đường lộn xác đến với cách mạng.

2/ Việt Bắc (1947-1954)

* Cái tôi của nhà thơ được ẩn mình sau những nhân vật là quần chúng nhân dân.

* Hình tượng Tổ quốc, Đất nước, Chiến khu được miêu tả thật là quần chúng nhân dân.

* Hưởng về nhân dân, tập thơ mang đậm màu sắc dân tộc (vận dụng ca dao, tục ngữ, cách nói của nhân dân). Phần cuối mang cảm hứng sử thi-trữ tình đầy âm vang thời đại (Ta đi tới, Việt Bắc...)

3/ Gió lộng (1955-1961)

* Niềm vui trước quan hệ của chủ nghĩa tập thể XHCN hứa hẹn một đời sống ấm no hạnh phúc và “*người yêu người sống để yêu nhau*”.

* Cảm hứng lãng mạn với cái tôi đại diện cho dân tộc, cho Đảng và cho thời đại được xuất hiện.

* Có “*những vần thơ tươi xanh*” viết về miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội và có “*những vần thơ lửa cháy*” bày tỏ tình cảm Bắc – Nam và ý chí đấu tranh thống nhất nước nhà.

4/ “Ra trận” (1962-1972) và “Máu và hoa” (1972-1977) ra đời trong tình hình cả nước chống Mỹ.

* Khuynh hướng sử thi, cảm hứng lãng mạn anh hùng đã đặt ra những câu hỏi đầy tự hào: Dân tộc Việt Nam là ai? Sức mạnh Việt Nam bắt đầu từ đâu?

* Giọng tâm tình chuyển sang nhu cầu chính luận.

* Khuynh hướng khái quát, tổng kết lịch sử vang dội.

* Cho ra hai thiên trường ca về Bác (*Theo chân Bác*) và về Đất nước nhân dân (*Nước non ngàn dặm*).

II. Những nét phong cách cơ bản của thơ Tố Hữu:

1/ Là thơ trữ tình chính trị, đối tượng của văn học là con người được nhìn ở những quan hệ chính trị. Các vấn đề và sự kiện chính trị đã thành nguồn tình cảm lớn lao và khơi dậy cảm hứng nghệ thuật.

2/ Nội dung chính trị trong thơ Tố Hữu là lí tưởng dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

Tố Hữu mượn giọng điệu tâm tình để diễn đạt những tình cảm chính trị. Ông cũng dùng bút pháp tượng trưng ước lệ để thể hiện lí tưởng và ước mơ của mình (Bài “*Tiếng chổi tre*”, “*Việt Nam – máu và hoa*”).

Vì thế cảm hứng chủ đạo trong thơ Tố Hữu là thơ lãng mạn chủ nghĩa.

3/ Về nghệ thuật: Có tính dân tộc rất cao.

* Thơ tuyên truyền nhưng có phẩm chất của thơ ca truyền thống (ca dao, dân ca, truyện Kiều... - thể thơ lục bát khá nhuần nhuyễn)

* Linh hồn quê hương trong những hình ảnh rất quen thuộc nhưng có sức lay động sâu xa (Bóng tre, bà mẹ, rặng dừa, ghe thuyền, bến nước...)

* Tính nhạc trong thơ Tố Hữu là nét phong cách đặc sắc nhất.

III. Những nét phong cách của thơ Tố Hữu nó đều chứa đựng hai mặt: mạnh và yếu.

1/ Tố Hữu là nhà thơ của lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người cách mạng và thời đại cách mạng. Trong những năm chiến tranh nó thật sự lôi cuốn công chúng bởi nhà thơ đã nói được lí tưởng chính trị của người công dân.

- Nhưng có trường hợp chính trị chưa phù hợp với chân lý đời sống, nhiều lúc cảm hứng nghệ thuật chưa đủ độ nên các bài thơ rơi vào minh họa giản đơn. Phần lớn các bài thơ là đại diện cho tiếng nói của dân tộc, của Đảng nên con người đời thường với rất nhiều các quan hệ xã hội bị lược bỏ.

2/ Nhà thơ rất say mê lí tưởng cho nên thường hiện thực hoá lí tưởng gây được hứng khởi và niềm tin vào hiện thực cách mạng cho mọi người.

- Nhưng có lúc nó đã thoát li khỏi những vất vả, cần lao và những bất công vốn là một mảng hiện thực thứ hai không thể tránh khỏi trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ.

3/ Thơ Tố Hữu có thể mạnh là nói với người ta bằng giọng điệu tâm tình.

- Nhưng không ít những câu khô khan, giáo huấn.

4/ Tinh truyền thống và tính dân tộc đã hạn chế sự cách tân táo bạo và hiện đại hóa thơ Tố Hữu.

❖ **LỜI BÌNH VỀ THƠ TỐ HỮU**

* Với Tố Hữu, thơ là vũ khí đấu tranh cách mạng. Đó chính là đặc sắc và cũng là bí quyết độc đáo của Tố Hữu trong thơ ca.

... Thơ, với Tố Hữu, là hình thức tươi đẹp của hoạt động cách mạng của sự sống. Thơ Tố Hữu, trong thời kì đầu này, cốt yếu thuộc về dòng *Lãng mạn cách mạng*. Danh từ này, theo định nghĩa của Goóc-ki, là “*chữ nghĩa lãng mạn tích cực, nó nhằm tăng cường cái ý chí sống của con người, thức tỉnh trong tâm hồn con người cái quyết tâm phản kháng với hiện thực, với mọi áp bức của hiện thực*”.

Thơ Tố Hữu là lời tâm huyết của một chiến sĩ đang sống can đảm nêu cao lí tưởng phục vụ nhân dân, phục vụ chính nghĩa.

Thơ Tố Hữu là “*bó hoa lửa*” lộng lẫy, nồng nàn.

... Sau mười năm đó, khi cách mạng Việt Nam chuyển vào một giai đoạn mới, tập thơ *Việt Bắc* sẽ đánh dấu một giai đoạn mới trong sự nghiệp thơ ca của thi sĩ. Anh sẽ càng tẩm mình vào đời sống chiến đấu lao động hàng ngày của quần chúng, và tiếng nói của anh sẽ càng đượm hơi ấm của quần chúng.

(*Đặng Thai Mai*)

* Tố Hữu đã làm khá tốt phương tiện làm sử, bằng hồn thơ xúc cảm mãnh liệt và suy nghĩ sâu của mình. Anh cũng đã phản ánh được những mặt chủ yếu của cuộc sống cách mạng chúng ta. Trước cách mạng, đây là cuộc đời hoạt động và cuộc đời ở tù. Trong kháng chiến: Những cảnh chiến đấu, những cảnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh với địch ở miền Nam, mối tình hữu nghị máu thịt của chúng ta với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

Mỗi đề tài trên đều được ghi lại bằng những bài thơ có giá trị của anh.

... Cũng nên nói rằng: Cái chất chiến đấu thường làm cho thơ anh khoẻ ra, rắn lại, linh hoạt, nhưng có đôi lúc đã làm thơ anh khô đi. Đây là khi anh diễn đạt nó mà không vùi nó sâu hơn trong cảm xúc, trong tình thương là cái điều chính của tâm hồn anh.

Cái gì làm cho Tố Hữu trong khi có những tìm tòi hiện đại vẫn giữ được màu sắc dân tộc ấy?... Đây là nhờ nội dung, nhờ cách cảm xúc, nhờ phương pháp tạo hình, nhờ chữ nghĩa. Nhưng đây cũng là nhờ ở cái man mác, mơ hồ (nhưng rất rõ rệt này), là cái âm nhạc của thơ anh.

Thơ anh là lối thơ lấy cái đường đi toàn đời, lấy cái hơi toàn tập, lấy cái tứ toàn bài làm chính... Anh là con chim vụt ở đường bay hơn là ở bộ lông bộ cánh, tuy vẫn là lông cánh đẹp.

(*Chế Lan Viên*)

* **Tự bạch của nhà thơ Tố Hữu:** Thơ tôi thuộc loại “*trần trụi*”, nghĩ sao nói thế, không có gì “*bay bướm*”. Cũng không có gì “*bí hiểm*”. Tuy vậy cũng không phải là không có gì đằng sau những câu chữ... Tôi muốn thơ phải đọng lại một cái gì, phải thật là gan ruột của mình, thật là một “*lời nhắn gửi*”.

Thể thơ lục bát truyền thống của Việt Nam ta có nhiều ưu thế về cấu trúc, về âm thanh, vừa có sức gợi cảm, vừa dễ nghe, dễ nhớ, dễ thuộc, lại thích hợp với cả trí thức lẫn người ít học nên tôi hay dùng... Thể lục bát tưởng như dễ làm, thật ra lại dễ rơi vào tầm

thường, vô duyên. Phải biết “*chuyển hóa*” thế nào cho phong phú, luôn luôn mới về mọi mặt giống như dùng hai cánh tay có vẻ đơn giản ấy thế nào để thành những điệu múa đẹp không bao giờ chán. Người làm thơ lại cần biết sử dụng nhiều thể thơ và cần kết hợp hoặc sáng tạo hoàn toàn mới.

Thơ có ưu thế dễ nhớ vì thơ có tiết tấu, có vần điệu. Vần là một sáng tạo tuyệt vời của nghệ thuật thơ... Theo tôi, vần chính là một điểm huyết mạch cảm, nếu biết “bấm” đúng thì có hiệu quả lớn cho sự truyền cảm. Cứ đọc Truyện Kiều thì thấy Nguyễn Du gieo vần đất thế nào.

Vấn đề 1: TÂM TƯ TRONG TỪ

*“Nghe lạc ngựa rừng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...”*

Tố Hữu – Từ ấy

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Bài thơ được viết ngay trong những ngày đầu tiên Tố Hữu bị bắt giam vào nhà lao Thừa Thiên. Bị giam trong xà lim hoàn toàn cách biệt với thế giới bên ngoài và với các bạn tù khác. Đây là chặng đường thử thách đối với người chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi. Và mở ra những trang mới cho tập “*Từ ấy*”. Phần “*Xiềng xích*” ra đời.

Bài thơ có hai phần. Phần đầu ba khổ, mỗi khổ 8 câu thơ nói về nỗi cô đơn, niềm khát khao hướng về cuộc sống bên ngoài nhà tù. Và phần sau là dự cảm về những gian lao thử thách trước mắt, tác giả ý thức được thân phận của mình trong tình cảnh mất tự do của cá nhân và của đất nước. Từ đó tự dặn lòng thề quyết giữ vững ý chí chiến đấu và phẩm giá của người cách mạng. Bài thơ kết cấu theo diễn biến tăng tiến của tâm trạng. Từ cảm xúc tình cảm đến nhận thức lí trí.

2/ Ấn tượng đầu tiên là nỗi cô đơn. Bốn câu đầu của khổ thứ hai được lập ở bốn câu đầu một. Có sự nhớ lại niềm say mê bông bột, niềm vui tươi trẻ của những ngày sống giữa bạn bè trong phong trào sôi nổi thì tác giả mới thấm thía nỗi cô đơn khi bị li cách khỏi môi trường hoạt động.

Cảm xúc tình tế nhạy bén, tình cảm gắn bó thiết tha với đời sống được tập trung trong sự lắng nghe những biến thái âm thanh ngoài tù vọng vào. “*Tai mở rộng*” bởi “*lòng sôi rạo rức*” bởi cuộc sống đã bị cách ly. Thính giác là khả năng duy nhất mà tác giả giao lưu với bên ngoài.

Những âm thanh gợi cảm về buổi chiều, những âm thanh đó náo nức hơn: Chim “*reo*”, gió mạnh “*lên triều*” và tiếng dơi chiều đập cánh cũng trở nên vội vã. Khao khát sống với cuộc đời đầy biến động bên ngoài, hình dung rất rõ cả thế giới bên ngoài... tác giả đã thể hiện một sức sống tuôn trào, một niềm yêu đời mãnh liệt. Và chân dung người cộng sản hiện lên rất đậm đà chất Người.

3/ Giữa những âm thanh như rất bề bộn ấy, tâm hồn nhạy cảm của tác giả đã đón nhận và lưu giữ lại được những âm thanh rất dễ bị chìm lấp đi “*Nghe lạc ngựa.. đi về*”.

“*Nghe lạc ngựa*” là sự tác động bằng âm thanh nhưng “*rừng chân bên giếng lạnh*” là một hình ảnh mà mắt ta có thể nhìn thấy được. Sức tưởng tượng của câu thơ thật kỳ diệu. (“*Một tiếng rao đêm*” của em bé gái cũng khiến cho Tố Hữu thấy rất rõ em nhỏ đó như thế nào!).

Cái cảm giác “lạnh” của buổi chiều trong cái “lạnh” của nước giếng, và nhất là cái “rùng chân” của con ngựa khiến cho nhạc ngựa cũng rung theo đã phát ra âm thanh nhỏ lọt qua khám giam để đến với người tù.

Bức tranh không chỉ là ngoại cảnh mà chứa chất tâm trạng của nhân vật trữ tình: Rất thấm thía nỗi cô đơn và muốn “*đạp tan phòng*” mà ra với cuộc đời “*ngoài kia sung sướng biết bao nhiêu*”.

Câu “*Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về*” lại là một âm thanh “xa” rất khó nghe mà nhà thơ đã nghe được. Đây là âm thanh đời thường vọng vào thế giới cô quạnh chốn tù đầy. Câu thơ bình dị nhưng có sức lay động lớn. Nó cho ta thấy tấm lòng thương mến, khao khát được hòa đồng với con người. Chính vì thế mà các giác quan của nhà thơ rung động theo, lần theo những âm thanh thân thuộc trong cuộc sống con người.

4/ Phần sau bài thơ có sự chuyển hướng trong mạch “tâm tư” của nhân vật trữ tình. Dòng cảm xúc đang lên ở phần trên bỗng xoay chuyển đột ngột bởi sự thức tỉnh của lí trí. Đó là ý thức nỗ lực vươn lên, điều khiển chế ngự những xúc cảm bằng sự tự soi sáng của nhận thức xã hội, của ý chí cách mạng.

(Ở bản lĩnh Hồ Chí Minh thì lại khác. Mặc dầu lí trí nhận thức không lãng mạn chút nào “*Trong tù không rượu cũng không hoa*” nhưng không vì thế mà Bác chế ngự tình cảm của mình trước một đêm trăng đẹp. Bác thú nhận “*Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ!*” (Bài “*Ngắm trăng*”).

Ở phần sau của bài thơ này. Tố Hữu thể hiện tính “chính luận” tức là trình bày nhận thức, lí giải quan niệm và bày tỏ ý chí quyết tâm. Sự nhấn mạnh về lí trí đã tạo nên một thế mất thăng bằng cho bài thơ. Tuy dạn lòng rất thành thật nhưng lời thơ thuyết minh nhiều lời quá khiến cho tác phẩm trở nên nặng nề, công thức bị pha loãng và hơi ồn ào.

B. LUYỆN TẬP:

I. CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP:

1/ Hoàn cảnh ra đời? Giải thích tập thơ nào? Nêu ngắn gọn hiểu biết của mình về tập thơ đó.

2/ Phân tích hai câu thơ “*Nghe lạc ngựa... guốc đi về*”.

II. LÀM VĂN

Phân tích đoạn thơ sau trong “*Tâm tư trong tù*” của Tố Hữu “*Cô đơn thay ... nghe tiếng guốc đi về*”.

Gợi ý trả lời:

Trong câu đầu:

Nghe lạc ngựa rùng chân bên giếng lạnh

Có âm thanh (tiếng lạc ngựa) có cả hình ảnh (con ngựa rùng chân bên giếng) và đặc biệt có cả cảm giác về cái lạnh của một buổi chiều buồn.

Câu thơ tiếp theo:

Dưới đường xa nghe tiếng guốc đi về...

Cũng nói về tiếng động. (Bởi lẽ bị giam hãm trong “*bốn bức tường với khắc khổ*” “lạnh lẽo” nhà thơ tập trung lắng nghe tất cả những âm thanh cuộc sống vang vọng vào nhà tù. Thính giác là phương tiện duy nhất để Tố Hữu có thể giao lưu với cuộc sống. Do đó, nó trở nên tinh nhạy vô cùng). Tiếng guốc hiếm khi xuất hiện trong thơ. Tiếng guốc ở đây là một, chi tiết hiện thực và có sức ám ảnh. Nó gợi được không khí vắng lặng vốn có của thành

phố Huế cổ kính. Vì vắng lặng nên tiếng guốc lúc xa lúc gần mới vang vọng đến thế. Đó chính là biểu tượng quen thuộc của cuộc sống thường nhật.

Hai câu thơ trên khiến người đọc hiểu được phần nào tâm trạng của người thanh niên bị giam cầm trong xà lim của kẻ thù. Khao khát tự do, gắn bó với cuộc sống, người thanh niên này thấm thía nỗi buồn cô đơn, tập trung trí lực lắng nghe, đón nhận những âm thanh của cuộc sống bên ngoài có thể lọt vào trong tù. Tình cảm chân thành thiết tha, khả năng tưởng tượng phong phú... của tác giả khiến cho hai câu thơ trên có sức lay động tâm hồn người đọc.

BÀI THAM KHẢO

Bài thơ “*Tâm tư trong tù*” hay chính là một khúc ca tâm trạng của người thanh niên trẻ – một cánh chim tự do bị giam cầm khát khao được sở lồng tung cánh:

*“Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rục.
Tôi lắng nghe tiếng đời lẫn náo nức.
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu !*

*Đây âm u đôi ánh lạt ban chiều
Len nhẹ nhẹ qua rào ô cửa nhỏ.
Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ
Đây sần lim, manh ván ghép sầm u...*

*Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rục
Tôi lắng nghe tiếng đời lẫn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu !*

*Nghe chim reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vôi vã tiếng dơi chiều đập cánh
Nghe lạt ngạt rùng rợn chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa, nghe tiếng guốc đi về...”*

Năm 1939, Tố Hữu rơi vào nanh vuốt thực dân Pháp. Chúng giam nhà thơ ở Huế. Cuộc đời hoạt động cách mạng bị ngắt quãng. Tố Hữu chìm vào thế bị động, cô đơn nhiều u uẩn. Cuộc sống của người thanh niên trẻ giờ đây chỉ còn là những chuỗi ngày vô nghĩa. Chí hướng không thể thực hiện được. Tố Hữu thốt lên từ tận đáy lòng lời bộc bạch của một tù nhân.

*Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rục.
Tôi lắng nghe tiếng đời lẫn náo nức.
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu !*

Lòng Tố Hữu rối như tơ vò. Cuộc sống bao trùm là những chuỗi ngày cô đơn. Sự cô độc – sự bơ vơ làm cho người ta rơi vào khủng hoảng. Bởi vì “con người ta tổng hòa các mối quan hệ xã hội”. Còn nhà tù là nơi bọn thực dân cầm dao cắt đứt tất cả các quan hệ với xã hội, với anh em đồng chí của tù nhân. Thế xác bị dấn vật, tinh thần thì lạc lõng. Ôi quả thật đây là một sự thống trị tàn ác! Chính trong sự cô đơn đáng sợ ấy, người chiến sĩ cách mạng

cổ để cho tâm tưởng của mình giao tiếp với bên ngoài. Phải chăng chính sự giam cầm ấy sẽ làm cho con người ta đỡ phần nào hiu quạnh? Sự tự do đã mất. Tố Hữu mở rộng đôi tai, giang rộng cửa lòng để tìm nghe những âm thanh của cuộc sống bên ngoài. Cuộc sống ấy, đối với anh ta và những chiến sĩ cách mạng khác bị giam cầm bấy giờ không còn được tận hưởng sự đa dạng, cái phong phú, mọi sự biến đổi của nó. Làm sao ta có thể hiểu hết được tâm hồn của người tù khi bị giam trong tù ngục? Chỉ có những ai đồng cảnh ngộ mới có thể hiểu hết nỗi đau của họ.

Hiện tại, họ chỉ có thể ngồi xà lim bưng bát, có:

*“Đôi ánh lạt ban chiều
Len nhẹ nhẹ qua rào ô cửa nhỏ.
Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ
Đây sàn lim, manh ván ghép sẫm u...”*

“Đôi ánh lạt ban chiều” len nhẹ qua vào ô cửa nhỏ của căn xà lim làm cho người tù càng cảm thấy buồn da diết. Ánh nắng bình minh tượng trưng cho sức sống, cho sự trẻ trung nhiều hy vọng, còn ánh nắng chiều hôm biểu hiện cho sự tàn tạ, sầu héo và càng làm cho tâm hồn con người bơ vơ lạc lõng giữa thiên nhiên. Nói đến thiên nhiên – dù chỉ là ánh mai sắp tắt, cũng là sự khao khát được cảm nhận nét trong trẻo thanh khiết của nó đối với những người tù. Nhìn ánh nắng lạt dần theo thời gian người tù có cảm tưởng như cuộc đời mình cũng thế. Cảnh và người đang có cùng tâm trạng. “*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Nhà thơ thốt lên giữa thực tại phũ phàng :

*“Đây lạnh lẽo bốn tường vôi khắc khổ
Đây sàn lim, manh ván ghép sẫm u...”*

Một thế giới tù ngục được Tố Hữu vẽ ra thật nao nùng. Bốn tường đá vô tri, khắc khổ, không biết đã vô tình giam chân biết bao nhiêu người chiến sĩ. Sàn xà lim với những mảnh ván ghép, chắc đã không ít người nằm lại đây vĩnh viễn nên có vẻ sẫm u... Sự vật vô tri dưới cặp mắt của nhà thơ dường như cũng có tâm trạng. Chúng được những con người gây ra tội ác tạo nên để thực hiện những việc làm tội ác. Tất cả sự chết chóc đau đớn và tội lỗi như khắc vào từng tường vôi, mảnh ván. Sự vật – hay chính là những nhân chứng xác thực về tội ác của bọn thực dân?

Trở lại với thực tại. Tố Hữu không phải thốt lên lần thứ hai những câu thơ – hay những câu hát lòng buồn bã:

*“Cô đơn thay là cảnh thân tù !
Tai mở rộng và lòng sôi rạo rức
Tôi lắng nghe tiếng đời lẫn náo nức
Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu!”*

Diệp khúc tâm trạng ấy được lặp lại nghe nao nùng chua xót. Xót xa cho phận mình và ước ao được hòa mình vào cuộc sống. Tất cả choáng ngợp cả tâm hồn trẻ trung của tù nhân. Sự đau khổ của con người ấy tăng lên nhưng sự ham hố được tự do, được hoạt động đã trở thành một ngọn sóng lòng dào dạt, thôi thúc nhà thơ bằng tất cả mọi giác quan, nhưng chủ yếu có lẽ là đôi tai, nhà thơ đang lắng nghe và cảm nhận cuộc sống bên ngoài tù ngục. Thiên nhiên mà tác giả cảm nhận được không còn là “*ánh lạt ban chiều*” buồn bã mà là:

*“Nghe chìm reo trong gió mạnh lên triều
Nghe vôi vữa tiếng dơi chiều đập cánh*

*Nghe lạc ngựa rừng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa, nghe tiếng guốc đi về...*

Sự cảm nhận ấy thật tinh tế và sâu sắc. Ta cảm thấy thiên nhiên có chút gì phần nộ, có một sự nổi dậy, một sự phản công hay giận dữ. Tiếng chim cô đơn trong thiên nhiên sắp nổi cơn thịnh nộ, làm cho ta cảm thấy có một sự cầu cứu, một lời khẩn thiết báo hiệu một điều gì. Tiếng chim báo hiệu bão tới, hay tiếng chim lạc bầy trong gió cuốn? Trước sự cô đơn của mình chim cất lên tiếng kêu thảm thiết. Tâm trạng của nhà thơ hay chính hoàn cảnh của chim? Nhà thơ cảm nhận được điều ấy hay chính nhà thơ đang cảm nhận lòng mình? Có lẽ trong sự cô đơn, Tố Hữu đã cảm nhận như thế. Tâm trạng của nhà thơ lại trở về với sự buồn bã của tiếng *dơi chiều đập cánh*. Màu buồn vẫn nổi lên làm cho cảnh vật hiu hắt. Đâu đâu vắng vắng tiếng lạc ngựa của một người hành khách đường xa. Bên giếng lạnh ngựa dừng lại, chắc có lẽ uống nước. Tiếng chuông vang lên xa gần và người chiến sĩ nghe được. Tiếng động như xoáy vào lòng nhà thơ, khơi lên một niềm khát vọng tự do. Nhà thơ nghĩ mình có thể như chú ngựa kia, tự do, tung vó. Mỗi tiếng lạc là mỗi hồi chuông dội vào lòng nhà thơ, nghe thúc giục, réo gọi. Chính trong lúc này, nhà thơ mới cảm nhận hết sự bưng bít của nhà tù. Sự cảm nhận ấy liên tục cho đến khi tác giả nghe vắng vắng tiếng guốc trên đường xa. Tiếng guốc – một hình ảnh giản dị – mộc mạc, đáng yêu biểu tượng cho người con gái. Cô gái Huế xinh xinh trên đường xa, tiếng guốc biểu hiện cho sự hòa bình, cho sự hạnh phúc bởi vì nó là âm thanh của đời thường đối lập với cái im lặng ghê rợn chốn tù ngục giam hãm con người. Tiếng guốc vang vang, nhỏ dần làm lòng người trong ngục nao nao. Thế là nhà thơ đã cảm nhận ra sự có mặt của con người. Tất cả sự cô đơn dần trải trong lòng nhà thơ, như được tiếng guốc xoa sạch. Tiếng guốc đưa vào lòng người chiến sĩ một sức mạnh, một tình cảm được phục sinh, một niềm an ủi xoá đi bao chuỗi ngày cô đơn buồn tẻ.

Đoạn thơ là một bức tranh của tâm trạng cô đơn. Người thanh niên bước đầu bị vùi thân nơi tù ngục không thể tránh khỏi những cảm giác ấy.

Vấn đề 2: VIỆT BẮC

“Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng Hòa”

(Tố Hữu – Việt Bắc)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Để diễn tả những tình cảm cách mạng cao quý của nhân dân ta trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Tố Hữu đã dùng lối hát giao duyên đối đáp giữa nam và nữ trong các hội hè đình đám ở miền Bắc nước ta. Thay vào nội dung tình yêu đôi lứa của dân ca bằng tình nghĩa cách mạng, tấm lòng son sắt thủy chung với Đảng, với nhân dân, qua cách nói, cách xưng hô “*mình - ta*”, tình cảm cao quý đó trở nên gần gũi, thấm thiết hơn. Hai nhân vật trữ tình trong bài thơ là người cán bộ về xuôi, tượng trưng cho dân tộc Kinh và người dân Việt Bắc, tượng trưng cho dân tộc miền ngược. Do đó tình cảm cách mạng ở đây còn là tình đoàn kết gắn bó giữa hai vùng miền xuôi – miền ngược, thể hiện chính sách dân tộc của Đảng ta.

2/ Hai mươi câu thơ mở đầu bài thơ là lời trao gửi ân tình thấm thiết của Việt Bắc đối với cán bộ cách mạng về xuôi. Một loại câu hỏi tu từ và điệp kiểu câu :

Mình về mình có nhớ ta...

Minh về mình có nhớ không...

Tiếng ai...

Minh đi, có nhớ những ngày...

Gợi cho người đọc cảm nhận được tình cảm lưu luyến không muốn rời trong buổi chia tay người đi – kẻ ở, qua ý thơ: Người về có nhớ ta không ?

a) Nhớ Việt Bắc là nhớ quê hương cách mạng, nhớ ngon nguồn cách mạng, nơi đã bảo bọc cán bộ, chiến sĩ cách mạng trong những ngày sóng gió, khi Đảng còn non trẻ. Hình ảnh “mười lăm năm ấy” là một hình ảnh cụ thể nhắc nhở thời kỳ đầu thành lập lực lượng vũ trang, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân, cho đến ngày kháng chiến chống pháp thắng lợi. Cả một thời gian dài gian khổ, đắng cay! Việt Bắc đã ân tình, ân nghĩa với cách mạng như thế, cho nên: “nhìn cây nhớ núi nhìn sông nhớ nguồn?”.

Người ra đi làm sao tránh khỏi tâm trạng xao xuyến, bâng khuâng ? Hai tính từ lấp láy “*bâng khuâng*”, “*bồn chồn*” cùng hiện diện trong câu thơ đối ý càng khắc họa đậm nét tâm trạng ấy .

b) Nhớ Việt Bắc còn là những kỷ niệm gian khổ, khó khăn trong thời kỳ kháng chiến. Câu thơ liệt kê “*Mưa nguồn suối lũ*”, được nhấn mạnh thêm bằng từ “*những*”, từ “*cùng*” để tạo một loạt “*những mây cùng mù*” nhấn mạnh thêm ý gian khổ, vất vả của cuộc sống kháng chiến. Hình ảnh “*miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*” có sức khái quát cao, nói lên tình đoàn kết chiến đấu, chia sẻ gian lao giữa hai vùng miền xuôi-miền ngược là thắm thía .

c) Nhớ Việt Bắc cũng là nhớ tình nghĩa đồng bào. Bằng cách nói mộc mạc, diễn tả tình cảm kín đáo mà tha thiết, tác giả bộc lộ niềm thương nỗi nhớ của người ở lại.

“*Trám bùi để rụng, măng mai để già*”. “*Trám*”, “*măng*” là đặc sản của Việt Bắc, từng làm thức ăn lót lòng thay ngô, sắn, cơm, khoai trong những ngày kháng chiến. Ngày nay, qua rồi thời kỳ đói khổ, khó khăn, nhắc nhở những sản vật này với tấm lòng thiết tha triu mến đối với Việt Bắc ; xem đó là kỷ niệm sâu sắc trong đời. Để làm nổi bật tấm lòng son sắc, thủy chung, thủ pháp đối lập đã được nhà thơ sử dụng thành công.

Hắt hiu lau xám ⇔ Đậm đà lòng son

Biện pháp đảo ngữ ở đây làm cho hình ảnh câu thơ càng thêm sinh động .

3/ Đoạn sau là lời đáp thiết tha tình nghĩa của cán bộ cách mạng trước lúc chia tay. Đoạn thơ đã tái hiện cảnh và người Việt Bắc bằng những chi tiết tiêu biểu nhất, đẹp để nhất

a) Tuy thiếu thốn, gian khổ nhưng cảnh và người Việt Bắc đẹp và tình nghĩa chan hòa:

Hình ảnh tương trưng : “*Chia củ sắn lùi, bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*” kết hợp với cách dùng từ cùng nghĩa “*chia, sẻ, cùng*” diễn tả được mối tình cảm “*chia ngọt sẻ bùi*” giữa nhân dân Việt Bắc và cán bộ cách mạng. Biết bao tình nghĩa sâu nặng trong “*củ sắn*”, “*bát cơm*”, “*chăn sui*”... mà người cán bộ cách mạng đã chịu ơn Việt Bắc.

Hình ảnh chọn lọc : Người mẹ nắng cháy lưng ... gợi người đọc liên tưởng đến sự tần tảo chất chịu, cần cù lao động của bà mẹ chiến sĩ trong kháng chiến đã đùm bọc, cứu mang chiến sĩ, cán bộ cách mạng. Đó là hình ảnh tiêu biểu cho cái đẹp, cái ân tình trong cuộc sống kháng chiến không thể phai nhòa trong kí ức của người về xuôi .

Đoạn thơ còn dựng lại những khung cảnh quen thuộc với những hình ảnh và âm thanh hết sức tiêu biểu cho sinh hoạt trong kháng chiến Việt Bắc. Câu thơ đối ý mà nêu bật tinh thần lạc quan yêu đời của cán bộ, chiến sĩ cách mạng dù cuộc sống còn rất gian khổ, khó khăn :

“Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo”

Âm thanh *“tiếng mõ rừng chiều”* và *“chày đềm nện cối đều đều suối xa”* là âm thanh đặc trưng của Việt Bắc, phản ánh sinh hoạt yên ả, bình dị nơi núi rừng, gợi nhớ một thời đã qua.

Đặc sắc nhất là đoạn thơ hồi ức về cảnh đẹp núi rừng Việt Bắc qua bốn mùa trong năm. Một loạt từ chỉ màu sắc, xanh, đỏ tươi, trắng, vàng... tạo một cảm giác tươi mát, vui mắt cho các bức tranh phong cảnh. Mùa xuân với hoa mai nở trắng rừng. Mùa hạ với âm thanh *“ve kêu”* tạo thành một bản hợp tấu của rừng xanh. Mùa thu với ánh trăng hòa bình êm đềm trong sáng. Giữa cây cỏ thiên nhiên, Con người Việt Bắc hiền hòa, nhân hậu lao động cần cù: *đan nón chuốt từng sợi giang, hái măng một mình*. Bức tranh thiên nhiên trở nên sinh động và có ý nghĩa hơn.

b) Việt Bắc còn ghi lại những chiến công của bộ đội, dân quân ta trong kháng chiến chống pháp. Đoạn thơ toát lên vẻ đẹp hào hùng của dân quân ta:

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*

Bằng những điệp từ *“điệp điệp, trùng trùng”* và từ ngữ láy phụ âm đầu *“rầm rập”* diễn tả được hào khí ngút trời của bộ đội, dân công trên đường ra mặt trận.

Với lối nói thậm xưng *“bước chân nát đá”* tác giả cũng muốn nhấn mạnh sự lớn dậy và kiên cường, bất khuất của bộ đội ta thời kỳ này.

c) Việt Bắc còn là đầu não của cuộc kháng chiến toàn quốc, là niềm tin vững chắc của nhân dân về Đảng, về lãnh tụ:

*Nhìn lên Việt Bắc...
Trông về Việt Bắc...*

Câu thơ nói lên vị trí quan trọng của Việt Bắc mà cũng là nhấn mạnh uy tín của Bác, của Đảng đối với toàn dân, toàn quân trong thời kỳ kháng chiến gian khổ.

B. LUYỆN TẬP

I. CÂU HỎI

- 1/ Thí sinh hiểu biết gì về bài thơ Việt Bắc?
- 2/ Bài thơ Việt Bắc gợi nhớ đến lối cấu tứ cảnh chia tay và lối hát đối đáp trong ca dao, dân ca. Em hãy kể một số ví dụ về những bài ca dao, dân ca có cách cấu tứ như vậy?
- 3/ Có người cho rằng ở bài thơ Việt Bắc, đối đáp chỉ là hình thức kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu bên trong lại là dòng độc thoại nội tâm. Em có tán thành nhận xét ấy không, và nếu có thì hãy chứng minh điều đó.

II. LÀM VĂN

Bình giảng đoạn thơ sau trong *“Việt Bắc”* của Tố Hữu:

*“Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người”*

[.....]

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung “

III. GỢI Ý TRẢ LỜI:

2/ Lối hát đối đáp và cách cấu tứ cảnh chia tay thường được sử dụng rất phổ biến trong ca dao, dân ca ở mọi miền, như hát trống quân, hát quan họ, hát xoan, hát phường vải... Một số câu ca dao quen thuộc có cách cấu tứ như vậy:

- *Minh về có nhớ ta chăng
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.*
- *Minh về ta chẳng cho về
Ta nắm vạt áo, ta đề câu thơ.*
- *Thuyền về có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

3/ Bài thơ được kết cấu theo lối đối đáp quen thuộc trong câu ca dao, dân ca. Nhưng ở đây không chỉ là lời câu hỏi, lời đáp mà còn là sự hô ứng, đồng vọng của cùng một tâm trạng. Lời đáp không chỉ nhằm giải đáp cho những điều đặt ra trong lời hỏi mà còn là sự mở rộng, làm phong phú thêm những ý tình được gợi ra trong lời hỏi.

Có khi như ở đoạn cuối của bài thơ, cả lời hỏi và lời đáp đã hòa làm một để trở thành bản hợp ca đồng vọng, ngân vang những tình cảnh chung. Nhìn sâu hơn vào kết cấu của bài thơ, chúng ta thấy đối thoại chỉ là lớp kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu bên trong chính là lời độc thoại trữ tình của chủ thể đắm mình trong hoài niệm về quá khứ gian khổ mà tươi đẹp trong cách mạng và kháng chiến với những nghĩa tình thắm thiết. Tình nghĩa của nhân dân với cách mạng, của người cán bộ với Việt Bắc, của miền ngược với miền xuôi, của cả dân tộc với lãnh tụ... Vì thế hai hình tượng kẻ ở và người đi cùng với lời hỏi và lời đáp có thể được bộc lộ đầy đủ và sâu sắc trong cách đối thoại, hô ứng. Sự thống nhất của tâm trạng trữ tình cũng được thể hiện rất rõ trong việc sử dụng hai đại từ “*minh*” và “*ta*” trong bài thơ.

BÀI VĂN THAM KHẢO

ĐỀ 1:

Kể về những thành tựu xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, có lẽ chúng ta không thể nào không nhắc đến “Việt Bắc” của Tố Hữu. Đây là một bài thơ mang đậm đà màu sắc dân tộc, tiêu biểu cho phong cách thơ Tố Hữu. Thông qua đó, thể hiện niềm nhớ thương tha thiết và tình cảm sắt son đậm thắm của nhân dân Việt Bắc với cách mạng, với Đảng, với Bác Hồ, đồng thời cũng thể hiện tình cảm của người cán bộ kháng chiến với thiên nhiên, núi rừng và con người Việt Bắc.

Đoạn thơ gồm năm câu lục bát nhắc lại những cảnh thân thiết và tươi đẹp nhất về cảnh và người Việt Bắc trong hồi ức của người cán bộ cách mạng miền xuôi, ở đây chính là nhà thơ.

*Ta về mình có nhớ ta
Ta về ta nhớ những hoa cùng người*

Đây là hai câu thơ mở đầu nhưng nó mang cảm xúc chung cho toàn đoạn.

Ta là người ra đi cũng chính tác giả. Ở đây đoạn thơ kết cấu theo lối đối đáp thông thường trong dân ca truyền thống. Do đó, đây chính là lời hỏi ngọt ngào của người ra đi với

người ở lại, dễ liên tưởng đây là một thiếu nữ địa phương. Và câu hỏi tu từ này là cái cố bầy tỏ tình yêu của một chàng trai miền đồng bằng với cô gái miền cao.

“*Hoa và người*” thực là nỗi nhớ về thiên nhiên và con người Việt Bắc. Ở đây, thiên nhiên hòa điệu với con người, giữa chúng ngoài mối quan hệ tương hỗ còn có mối tương sinh lẫn nhau. Việt Bắc sinh ra con người và con người làm nồng ấm quê hương Việt Bắc.

Tiếp theo, tám dòng lục bát còn lại như là một bức tranh tứ bình về thiên và con người nơi đây. Với bốn dòng lục, nhà thơ đã miêu tả phong cảnh núi rừng qua bốn mùa, mỗi mùa là một bức tranh thiên nhiên có nét đẹp riêng biệt. Qua đây, ta thấy chỉ riêng đoạn thơ này đã thấm đậm tính chất dân gian.

Đầu tiên là bức tranh tả cảnh và khơi gợi cho chúng ta tình cảm mến thương của mùa đông Việt Bắc. Tại sao lại là mùa đông? Vì đây là hồi ức của tác giả trong giờ phút chia tay. Chúng ta còn nhớ, vào một đêm mùa đông 1946, Hồ Chí Minh đã kêu gọi toàn dân kháng chiến. Đặc biệt ở Hà Nội, những người lính lặn lội rời thành phố, bí mật theo chân cầu sông Hồng ngược xuôi lên căn cứ cách mạng Việt Bắc. Sự kiện này, đến tận bây giờ vẫn còn chứng minh bởi một khúc hát quen thuộc:

*“Đêm cái đêm rét quá chân cầu
Anh, anh đã hẹn ngày mai trở lại
Sông, sông Hồng bên bờ hát mãi
Tỏ niềm tin khúc khải hoàn ca”.*

Lưu Trọng Lưu trong “*Một mùa đông*” đã từng viết :

*“Đôi mắt em lặng buồn,
Nhìn tôi mà không nói.
Tình đôi ta vời vợi,
Có nói cũng vô cùng
Trời hết một mùa đông
Không một lần đã nói...”*

Thế vậy mà, ở chốn núi rừng heo hút này Mùa đông rừng biếc xanh đột ngột bùng lên Màu đỏ tươi của hoa chuối rừng như những bó đuốc thấp lên sáng rực. Vẻ đẹp nên thơ và rực rỡ của Việt Bắc vào mùa đông gợi những người đọc những rung động sâu xa. Thông qua bức tranh, ta thấy dù mùa đông lạnh giá nhưng sự sống núi rừng vẫn cứ như tuôn trào, cảm giác đem đến cho lòng người sự ấm áp lại.

Thiên nhiên đáng yêu như thế, còn con người thì sao? Ta xét tiếp câu hát:

“Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”

Thời gian được xác định bởi yếu tố “*ngày xuân*”. Chính ấn tượng thời gian này tạo sự vật vận động, sinh sôi nảy nở. Không gian ở đây như là cỗ tích. Mới vừa rồi màu xanh bạt ngàn điểm hoa chuối đỏ, bây giờ nở bung ra những rừng mơ trắng muốt thoảng hương thơm. Cái màu trắng dịu dịu tinh khiết ấy phủ lên cả cánh rừng, gọi lên trong lòng ta một cảm giác thơ mộng băng khuâng. Ngoài ra màu trắng của hoa mơ gợi cho người ta cái thanh thoát hơn, đem lại cho lòng người sự thanh thản, thanh thoi. Câu thơ làm cho ta thấy dường như màu xanh đã bị lấn lướt. Mùa xuân ở đây không tương bồng như mùa xuân của Xuân Diệu mà nó đến một cách lặng lẽ, âm thầm nhưng không kém niềm vui.

“Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang”

Mùa xuân miêu tả trong câu thơ rất đặc trưng cho mùa xuân Việt Bắc. Sợi giang là sản phẩm của Việt Bắc. Do vậy người lao động đó là người Việt Bắc chứ không phải là người miền xuôi. Nhìn thấy được sợi giang, tức là con người được nhìn ở tầm gần. Việc làm này có nhân nhả như chính mùa xuân, mùa xuân làm cho người ta cảm thấy thơ thời và đem đến cho họ dáng điệu sống như thế.

Thế rồi, khoảnh khắc nhân hạ của mùa xuân cũng qua mau, qua mau, con người tiếp tục sống cuộc sống của họ.

*“Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình”*

Bức tranh gợi sự chú ý cho người đọc bằng thị giác, lẫn thính giác. Đầu tiên, cái độc đáo ở đây chính là âm thanh, âm thanh mùa hạ, tiếng “ve kêu”. Câu thơ tạo ra hình ảnh nhân hóa. Con ve là loài vật, vậy mà nó biết kêu, biết gọi, nó xui khiến rừng phách đổ vàng ở đây, chúng ta nên dành một ít thời gian để tìm hiểu cái rừng phách kì lạ này. Rừng phách là những cây lạ ở miền Bắc. Nó không mọc riêng rẽ mà mọc thành rừng, rất nhạy cảm với thời tiết. Tiếng ve kêu râm ran đây đó đã báo hiệu mùa hạ, nhưng lúc này đã là cuối hạ. Cái lạnh đang tràn ngập núi rừng, lá cây bắt đầu chuyển sang màu vàng, cả rừng phách thay áo mới, chiếc áo vàng óng ánh dưới ánh nắng mặt trời. Cảnh thiên nhiên đẹp và rực rỡ thế lại càng lãng mạn hơn, vì trong cánh rừng bạt ngàn ấy có thêm bóng dáng của một sơn nữ “*hái măng một mình*”. Đọc tới đây khiến ta liên tưởng đến một hình ảnh tương tự trong thơ Nguyễn Bính, một nhà thơ của đồng quê:

*“Thơ thần đường chiều một khách thơ
Say nhìn ra rặng núi xanh lơ
Khí trời lặng lẽ và trong trẻo
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ”*

Đây là khổ thơ thứ nhất trong bài thơ “*Cô hái mơ*”. Ta thấy có sự giống nhau rất ngẫu nhiên: cũng là rừng núi và cô gái đang làm việc. Chỉ có điều ở đây là “*hái mơ*” chứ không phải “*hái măng*”.

Từ “*hái*” ở đây dường như không thể thay thế bằng một động từ nào khác: bẻ, đốn... vì chỉ có nó mới phù hợp nét dịu dàng, uyển chuyển, mềm mại của cô gái mà thôi. Ta hãy thử tưởng tượng bức tranh mùa hạ như thế này đẹp biết bao. Cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ như thế lại khảm chạm thêm vào hình ảnh một người thiếu nữ nhẹ nhàng làm việc. Quả thật bức tranh vừa đẹp vừa có thần nữ. Rõ ràng thiên nhiên và con người đã hòa quyện vào nhau, tô điểm cho nhau.

Cuối cùng đoạn thơ kết thúc bằng hình ảnh mùa thu cũng không kém phần đẹp đẽ.

*”Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung”*

Câu thơ đã xác định rõ, đây là mùa thu. Thiên nhiên mùa thu được miêu tả bằng ánh trăng. Việc sử dụng hình ảnh trăng thật ra cũng không có gì độc đáo và mới mẻ. Tuy nhiên đặt vào hoàn cảnh Việt Bắc lúc bấy giờ ta thấy được niềm mơ ước hòa bình của người cán bộ cũng như toàn dân Việt Bắc. Tất cả đều nói lên niềm tin tưởng chiến thắng sẽ đến với cách mạng với đất nước.

Câu thơ thiếu cụ thể nên con người ở đây cũng thiếu cụ thể. Từ “*ai*” nhòa đi để tạo nền cho cả đoạn và cũng nhằm trả lời cho câu hỏi đầu tiên: “*Mình về có nhớ ta chăng?*”.

Tuy hỏi thế nhưng trong lòng họ vẫn biết rằng con người ấy vẫn thủy chung, son sắt. Đây là lời đồng vọng trong tâm hồn của cả hai người yêu nhau cùng nhớ, cùng thương” “*nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*”.

Qua đây ta thấy bao trùm cả đoạn thơ là tình cảm nhớ thương tha thiết tiếp tục âm hưởng chung của nghệ thuật ca dao. Câu thơ lục bát nhịp nhàng, uyển chuyển, ý nọ gợi ý kia cứ trào lên dào dạt trong lòng người ra đi và người ở lại. Đặc biệt là qua cách xưng hô “*mình*” với “*ta*”. Ở đây điệp từ nhớ dùng để xoáy sâu vào cảm hứng chủ đạo là hồi ức. Từ “*rừng*” lặp lại là khoảng không gian cho nỗi nhớ tồn tại. Màu sắc cũng ảnh hưởng không ít tới bức tranh, đồ lạng lẽ, nhưng có sức sống. Màu con dao thể hiện sự hoạt động. Màu trắng làm thanh thoát con người và màu vàng làm cho bức tranh rực rỡ trong hoàng hôn. Rõ ràng bức tranh đã có sự hòa điệu của màu sắc. Bên cạnh đó, nhạc điệu dịu dàng trầm bổng khiến cả đoạn thơ mang âm hưởng băng khuâng, êm êm như một khúc hát ru – khúc hát ru kỉ niệm. Có lẽ khúc hát ru này không của ai khác là của “*ta*” và cho người nhận là “*mình*”. Cả “*ta*” và “*mình*” đều cùng chung nỗi nhớ, cùng chung “*Tiếng hát ân tình*” và ân tình sâu nặng ấy mãi còn lưu luyến vấn vương trong những tâm hồn chung thủy.

Có thể nói đây là đoạn thơ hay và có giá trị nhất trong bài “*Việt Bắc*”. Cảnh thiên nhiên và con người trong đây được miêu tả hết sức tuyệt vời và tươi đẹp, tràn ngập sức sống. Và với giọng thơ ngọt ngào, tâm tình khiến đoạn thơ như một bản tình ca về lòng chung thủy sắt son của người cách mạng đối với cả nhân dân, quê hương Việt Bắc.

ĐỀ 2: Phân tích đoạn thơ trích trong “*Việt Bắc*” của Tố Hữu

Mình về mình có nhớ ta

(... *Tân trào, Hồng Thái, mái đình cây đa*

Bốn câu đầu là lời Việt Bắc tỏ bày với người cán bộ chiến sĩ khi chia tay:

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

Điệp từ “*nhớ*” luyến láy trong cấu trúc câu hỏi tu từ đồng dạng, tràn đầy thương nhớ. Các xưng hô “*mình – ta*” mộc mạc, thân gần gợi liên tưởng ca dao: “*Mình về ta chẳng cho về – Ta nắm dải áo, ta đề bài thơ*”. “*15 năm*” là chi tiết thực chỉ độ dài thời gian từ năm 1940 thời kháng Nhật và tiếp theo là phong trào Việt Minh, đồng thời cũng là chi tiết gợi cảm – nói lên chiều dài gắn bó thương nhớ vô vàn. Câu thơ mang dáng dấp một câu Kiều – Mười lăm năm bằng thời gian Kim – Kiều xa cách thương nhớ mong đợi hưởng về nhau. (*Những là rày ước mai ao – Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình*). Cảm xúc đậm đà chất dân gian, đậm đà chất Kiều. Âm điệu ngọt ngào, giọng thơ nồng ấm, tình cảm do vậy đạt dào thiết tha. Việt Bắc hỏi về : “*Mình về mình có nhớ không – Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?*”. Câu hỏi chất chứa tình cảm lưu luyến, bao hàm lời dặn dò kín đáo: đừng quên cội nguồn Việt Bắc – cội nguồn cách mạng.

Bốn câu tiếp theo là nỗi lòng của người về:

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay

“*Bâng khuâng, bồn chồn*” là hai từ lấy gợi cảm, diễn tả trạng thái tâm lí tình cảm buồn vui, luyến tiếc, nhớ thương, chờ mong... lẫn lộn cùng một lúc. Mười lăm năm Việt Bắc cứu mang người cán bộ chiến sĩ, mười lăm năm gian khổ có nhau, mười lăm năm đầy những kỉ niệm chiến đấu, giờ phải chia tay rời xa để làm nhiệm vụ mới về tiếp quản tại thủ đô Hà Nội (10/1954), biết mang theo điều gì, biết lưu lại hình ảnh nào, tâm trạng của người về do vậy không tránh khỏi là nỗi niềm bâng khuâng khó tả.

“*Áo chàm đưa buổi phân li*” là một ẩn dụ, màu áo chàm, màu áo xanh đen đặc trưng của người miền núi Việt Bắc – tác giả hướng nỗi nhớ Việt Bắc qua hình ảnh cụ thể “*áo chàm*”, chiếc áo, màu áo bình dị, đơn sơ, mộc mạc của vùng quê nghèo thương du đồi núi nhưng sâu nặng nghĩa tình, đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp kháng chiến cứu nước.

Câu thơ “*Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*” đầy tính chất biểu cảm – biết nói gì không phải không có điều để giải bày mà chính vì có quá nhiều điều muốn nói không biết phải nói điều gì. Ba dấu chấm lửng đặt cuối câu là một dấu lặng trên khuôn nhạc để tình cảm ngân dài, sâu lắng...

12 câu tiếp theo kết thúc đoạn trích, là lời tâm tình của Việt Bắc:

*Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?
Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng măng mai để già
Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
Mình về, có nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa*

Diệp từ “*nhớ*” lập đi lập lại nhiều sắc thái ý nghĩa: nhớ là nỗi nhớ, ghi nhớ, nhắc nhở. Hàng loạt những câu hỏi tu từ bày tỏ tình cảm tha thiết đậm đà của Việt Bắc. Tình cảm lưu luyến của người đưa tiễn, gửi đi nỗi nhớ mong, gài lại niềm thương theo cách:

*“Thuyền về có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền”*

Việt Bắc nhắc người cán bộ chiến sĩ đừng quên những năm tháng gian lao vất vả, hoạt động chiến đấu trong điều kiện trang bị tiếp tế còn thô sơ, thiếu thốn.

*Mình về có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?*

“*Miếng cơm chấm muối*” là chi tiết thực, phản ánh cuộc sống kháng chiến gian khổ. Và cách nói “*mối thù nặng vai*” nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ chống thực dân cướp nước, đè nặng vai dân tộc ta.

Cảm xúc thương nhớ xa vắng thả vào không gian rừng núi, gợi nỗi niềm dào dạt:

*Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già*

Hình ảnh “Trám bụi để rụng, măng mai để già” gợi nỗi buồn thiếu vắng – “Trám rụng – măng già” không ai thu hái. Nỗi ngùi nhớ bức bối như thúc vào lòng kẻ ở lại.

Tiến người về sau chiến thắng và chính trên cái nền của sự chiến thắng đó, đã làm cho nỗi buồn nhớ trở nên trong sáng. Việt Bắc vẫn “*một dạ kháng kháng đợi thuyền*”, đồng thời nhắc nhở khéo léo tấm “*lòng son*” của người cán bộ chiến sĩ. Xin đừng quên thời kỳ “*kháng Nhật thờ còn Việt Minh*”, đừng quên cội nguồn cách mạng, đừng quên để chăm lo giữ gìn sự nghiệp cách mạng.

Mình đi, mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa

Tóm lại, đoạn thơ trên là nỗi lòng thương nhớ, là lời tâm tình của Việt Bắc. Đoạn thơ trên tiêu biểu sắc thái phong cách Tố Hữu, giọng điệu thơ ngọt ngào truyền cảm, mang đậm phong vị ca dao dân gian, đề cập đến con người và cuộc sống kháng chiến. Thông qua hình tượng Việt Bắc, tác giả ca ngợi phẩm chất cách mạng cao đẹp của quân dân ta, khẳng định nghĩa tình thủy chung son sắt của người cán bộ, chiến sĩ đối với “Việt Bắc”.

ĐỀ LUYỆN TẬP

Đề 3: Bình giảng những câu thơ sau đây trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu:

“Ta về mình có nhớ không?

Ta về ta nhớ Phủ Thông, Đèo Giàng

(...) Nhớ từ Cao Lạng nhớ sang Nhị Hà”.

Đề 4: Bình giảng những câu thơ sau đây trong bài thơ Việt Bắc của Tố Hữu

“Những đường Việt Bắc của ta

(...) Đền pha bột sáng như ngày mai lên!”

*** LỜI BÌNH VỀ VIỆT BẮC:**

- Nhà thơ chào Việt Bắc trước khi về xuôi. Anh gọi Việt Bắc là mình, như một người yêu, hay đúng hơn, như một người bạn đời đã cùng nhau gánh vác nhiều khó nhọc, chia sẻ nhiều vui buồn, nhiều tình và nhất là nhiều nghĩa với nhau. Cái nghĩa ấy từ những ngày càng gian khổ nhất mười mấy năm trước khi lực lượng cách mạng mới nhóm lên giữa rừng thiêng, những ngày chiến khu Việt Minh, “*miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*”. Những người dân Việt Bắc cực khổ là những người trung thành nhất với cách mạng... Giữa đời sống gian khổ, cái tình nghĩa cách mạng là ấm áp nhất, đẹp đẽ nhất. Cái nghĩa tình từ thuở đầu cách mạng ấy càng sâu sắc hơn trong kháng chiến. Những người dân Việt Bắc sống vẫn chặt vật vô cùng giữa thiên nhiên lộng lẫy mà gay gắt. Nhà thơ nhìn thắm thía vào cái anh dũng trầm lặng hàng ngày của quần chúng lao động.

Thương nhau chia củ sắn lùi

... Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Và nụ cười thương yêu của nhà thơ bỗng gặp hình ảnh cô em gái hái măng một mình như làm sáng cả rừng núi.

... Khi Tố Hữu làm thơ về những phiên họp của Chính phủ, câu thơ trang trọng và sang sảng, đầy ánh sáng của buổi trưa rực rỡ trong tâm hồn nhà thơ. Ánh sáng ấy dẫn đến một đoạn kết, có thể là cái nút động của cả bài thơ khi nhìn về “*mười lăm năm ấy*”:

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: cụ Hồ sáng soi

... Quê hương cách mạng dựng nên Cộng Hòa

(Theo Nguyễn Đình Thi)

*Mình đi mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa?*

... Linh hồn của câu động ở ba chữ *mình*. Hai chữ *mình* trước ngôi thứ hai đã đành, chữ *mình* sau cũng là ngôi thứ hai. Lại nhất là đại từ *mình* ngôi thứ hai này. Trong ca dao không gặp kiểu đại từ đối ngôi như vậy. Câu thơ vốn có gốc rễ sâu xa trong ca dao của dân tộc bỗng vụt lớn lên, mới mẻ, hiện đại. Nói nôm na ra là *anh đi anh có nhớ anh không?*... Câu hỏi thật sâu nặng nghe mà giật mình. Ca dao chỉ đòi nhớ em thôi. Vậy mà Tố Hữu đã thêm hương thêm sắc cho chữ tình. Và chủ đề sâu sắc của bài thơ lộ ra một cách kín đáo, chứ không đợi đến những câu ước hỏi dè chừng sau này.

(Theo Nguyễn Đức Quyền)

Vấn đề 3: KÍNH GỬI CỤ NGUYỄN DU

*“Nhân tình nhắm mắt chưa xong
Biết ai hậu thế khóc cùng Tố Như?”*

(Tố Hữu – Ra trận)

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Giữa lúc nhân dân ta còn chống Mỹ, vùng Hà Tĩnh quê hương của Nguyễn Du ở trong tuyến lửa dữ dội. Nhân kỷ niệm 200 năm ngày mất của thi hào, lại có dịp đi vào Khu Bốn, Tố Hữu “cảm tác” ra bài thơ này để thể hiện những cảm xúc, những nung nấu từ lâu về Nguyễn Du và Truyện Kiều (Lưu ý thời kỳ này rất nhiều nhà thơ đã viết về đề tài này).

1/ Bài thơ được viết bằng thể thơ lục bát mượt mà mà Nguyễn Du đã từng dùng để tạo nên “*Truyện Kiều*” bất hủ. Tất cả gồm 34 câu được phân bố một cách có dụng ý.

Hai câu đầu là không gian và thời gian tạo gợi cảm xúc. Sau đó cảm xúc được triển khai. Năm khổ thơ đều đặn sáu câu có tính chất suy ngẫm bằng bạc một nỗi niềm hướng về quá khứ. Khổ sáu, câu thứ nhất nói về mối thương cảm với thân phận nàng Kiều... Tiếp theo là sự cảm thông với Nguyễn Du. Hai khổ “*Tiếng đàn... hại người*” là liên hệ với thời đại ngày nay để khẳng định sức sống lâu dài và giá trị của tác phẩm. Khổ tiếp theo Tố Hữu đánh giá cao với lòng trân trọng và biết ơn Nguyễn Du. Hai câu cuối trở về thơ hiện tại sôi động và của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

2/ Câu thơ “*Bâng khuâng nhớ cụ, thương thân nàng Kiều*” là cảm hứng bao trùm bài thơ và nói lên tâm trạng rất phù hợp của Tố Hữu. Khi “*nửa đêm qua huyện Nghi Xuân*”. Những suy ngẫm có dịp trời dậy để tác giả nhớ “*người xưa*”.

Tố Hữu xúc cảm nhất đối với nàng Kiều là nghĩ đến một thân phận bơ vơ, tâm trạng ngổn ngang đau đớn không lối thoát, đành phó thác cuộc đời mình cho số phận (Những tâm trạng ba đào và cảnh ngộ đáng thương của Kiều nhi được biểu hiện gợi cảm nhất ở các từ láy: “*tê tái, lênh đênh, ngẩn ngơ...*”)

Chỉ mấy câu mà tác giả gợi được cả cuộc đời Kiều và cho thấy niềm cảm thông sâu sắc với nhân vật này.

Từ xưa đến nay có rất nhiều nhà thơ vịnh Kiều, say Kiều, và Tố Hữu đóng góp một tiếng nói rất riêng của mình, của thời đại mình để chia sẻ với thân phận và tâm sự của Kiều. Tố Hữu thấy Kiều số phận lênh đênh, bơ vơ và tâm trạng luôn ngổn ngang, ngẩn ngơ. Không phải ngẫu nhiên mà ở thời điểm hiện tại câu thơ “*Nửa đêm*” lại liên tưởng đời

Kiều.”*Trời đêm biết giữ thân mình nơi nao*”. Quả là cái bi kịch không thể tìm được đường đi, không có lối thoát cho số phận là một bi kịch của một thời đại và của chính Nguyễn Du nữa “*Đau đời có cứu được đời đau*” (Huy Cận), “*Cha ông xưa từng dấm nát tay trước cửa cuộc đời...*” ... “*Văn chiêu hồn từng thấm giọt mưa rơi*” (Chế Lan Viên).

3/ Phần chính của bài thơ dành những câu thắm thía cho sự tưởng nhớ, cảm thông và trân trọng biết ơn Nguyễn Du.

Điều đặc sắc là tác giả dùng rất nhiều câu thơ nguyên văn cũng như những ý thơ của Nguyễn Du để nói về nhà thi hào đồng thời thể hiện niềm trân trọng cảm thông sâu sắc với tâm sự của Nguyễn Du.

Tố Hữu cho rằng, đáng trân trọng nhất ở Nguyễn Du là tình đời, là tấm lòng của một nhà thơ đã từng quan niệm “*Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài*”. Vì thế những từ “*tơ lòng*”, “*nhân tình*”, “*lòng người*”, “*tình đời*” được Tố Hữu sử dụng tập trung với ý nhấn mạnh.

4/ Tập trung nhất là tác giả đánh giá Nguyễn Du:

Tiếng thơ ai động... những ngày

Tiếng thơ Nguyễn Du là kết tinh của cả nghìn năm văn hiến và nó sẽ vang dội đến nghìn năm sau nữa. Nghĩa là thơ Nguyễn Du tồn tại mãi mãi bất chấp quy luật nghiệt ngã của thời gian. Bởi vì đó là tiếng nói của tình đời, tình người, là tình thương của lòng mẹ. Cho nên nó sẽ có ảnh hưởng mãi các thế hệ đời sau.

5/ Bài thơ mang đậm tính dân tộc. Nó thể hiện sự quý trọng và vận dụng truyền thống thơ ca dân tộc của tác giả.

Những câu thơ lục bát có âm điệu cổ điển gợi ta nhớ tới những câu Kiều. Nhiều câu được lấy lại Kiều, nhiều câu vận dụng ý của Kiều (lối “*tập Kiều*”). Thế nhưng tình ý vẫn là của tác giả. Ngay cả khi nói về thời đại mình, tác giả cũng có dụng ý dùng lối nói ước lệ, tượng trưng và kết thúc là hình ảnh gợi không khí trang nghiêm cổ kính.

Bài thơ đã làm một vạch nối giữa quá khứ với hiện tại. Nó đã nói lên sự trân trọng những giá trị tinh thần trong quá khứ. Nó nói lên tấm lòng của chúng ta với thiên tài Nguyễn Du và Truyện Kiều bất hủ của ông.

B. LUYỆN TẬP

I. CÂU HỎI

1/ “*Nội dung*” Kính gửi cụ Nguyễn Du” của Tố Hữu là sự đồng cảm và thái độ đánh giá cao thi hào dân tộc Nguyễn Du”.

Anh chị hãy làm rõ nhận định trên.

2/ Vài nét về nghệ thuật của bài thơ.

3/ Tìm ra (và chép lại) vài câu thơ tiêu biểu trong bài để thấy được Tố Hữu đã tập Kiều rất thành công trong bài thơ này.

*** Gợi ý trả lời**

1/ Trong bài thơ này, với tư cách là một nhà thơ chiến sĩ, nhân danh thời đại mới, Tố Hữu bày tỏ sự đồng cảm sâu sắc với Nguyễn Du ở sự bế tắc không có phương hướng. Sự bế tắc của Nguyễn Du cũng chính là sự bế tắc của thời đại ông sống. Sự cảm thông của Tố Hữu được thể hiện qua việc nhà thơ bộc lộ niềm cảm thông đối với thân phận của nàng Kiều – Một nhân vật tài sắc vẹn toàn, hiếu thảo thủy chung nhưng bị đập vùi phủ phàng. (Nói đến

Thúy Kiều cũng chính là nói đến Nguyễn Du. Nỗi đau của Kiều cũng chính là nỗi đau của Nguyễn Du. Thương cảm Thúy Kiều cũng chính là thương cảm Nguyễn Du).

*Hỡi lòng tê tái thương yêu
Giữa dòng trong đục, cánh bèo lênh đênh
Ngổn ngang bên nghĩa bên tình
Trời đêm đâu biết gửi mình nơi nao?
Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào
Đành như thân gái sóng xao Tiền Đường.*

Trong sáu dòng thơ trên, Tố Hữu đã sử dụng hàng loạt từ láy để thể hiện sinh động tâm trạng “tê tái”, “ngổn ngang” đau đớn, lẫn cảnh ngộ bi đát nổi chìm “lênh đênh” đành phó thác cuộc đời cho số phận của nàng Kiều. Điều đáng lưu ý là một bằng mấy câu thơ, Tố Hữu đã tóm lược khái quát được toàn bộ cuộc đời, số phận Thúy Kiều, và niềm cảm thương sâu sắc của nhà thơ đối với nhân vật.

Tố Hữu đặc biệt đề cao tác giả *Truyện Kiều ở tâm lòng nhân ái của một nghệ sĩ lớn*, “*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*” (Nguyễn Du). Với Tố Hữu, Nguyễn Du được khẳng định là nhà nhân đạo chủ nghĩa tiêu biểu của dân tộc. Tiếng nói của Nguyễn Du là tiếng nói có thể lay động cả đất trời, là lời của non nước, tựa hồ như tiếng ru của người mẹ thấm vào thế hệ này sang thế hệ khác, bất tử trong đời sống dân tộc. Tiếng thơ ấy được chúng ta ngày nay trân trọng, đón nhận và phát huy, trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước:

*Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày
Hỡi người xưa của ta nay
Khúc vui xin lại so dây cùng người*

Như vậy điều tạo nên giá trị đặc sắc của những đoạn thơ vừa trích nói riêng và của cả bài thơ nói chung chính là cái tình của Tố Hữu đối với Nguyễn Du.

2/ Trước hết ở bài này, Tố Hữu đã khơi gợi được không khí của cả một thời đã trôi vào dĩ vãng, bằng cách tập Kiều, phác họa thời đại Nguyễn Du bằng chính ngôn ngữ và nhân vật của Nguyễn Du. Tố Hữu chọn lựa trong bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du (*bài Độc tiểu thanh kí*) và nhất là trong *Truyện Kiều* những câu thật tiêu biểu, và một số nhân vật đã gây đau khổ cho Kiều (“*Góm quân Ung Khuyển, ghê bầy Sở Khanh*”) đưa vào bài thơ một cách nhuần nhuyễn, tự nhiên nhằm phác họa thân phận chìm nổi, cô đọng của Kiều và tác giả *Truyện Kiều* (“*Biết ai hậu thế khóc cùng Tố Như?*” – “*Dẫu lia ngó ý, còn vương tơ lòng*” – “*Mai sau dù có bao giờ*” - ... “*Đau đớn thay phận đàn bà...*”)

Bên cạnh đó, những từ cổ và những ảnh cổ đã được sử dụng khá phổ biến tạo nên hiệu quả nghệ thuật đáng kể (“*Ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào...* Ngẫm xem qua kiếp *phong trần...* - ... Bỗng nghe trống giục ba hồi gọi *quân*” Nhờ đó, bài thơ vừa có âm hưởng trang trọng cổ kính, vừa gần gũi quen thuộc rất phù hợp cho việc biểu đạt ý tưởng: Trân trọng biết ơn những gì tốt đẹp của ông cha và quyết tâm phát huy chúng trong thời đại mới.

II. LÀM VĂN (TỰ LUYỆN TẬP)

ĐỀ 1: Bình giảng đoạn thơ:

“Nửa đêm (...) thân ấy biết là mấy thân?”

ĐỀ 2: Bình giảng đoạn thơ:

“Tiếng thơ ai (...) cùng người”

C. LỜI BÌNH

Sinh thời Nguyễn Du từng tự hỏi không biết ba trăm năm sau có ai người tri kỉ vì mình mà nhỏ nước mắt không. Từ đó đến nay chưa đến ba trăm năm. Nhưng những người có thể gọi là tri kỉ của nhà thơ, những người hiểu rõ những đau xót, cảm giận, ước mơ và cả những băn khoăn bế tắc của Nguyễn Du, những người rất yêu quý cái tài và lại càng yêu quý hơn nữa cái tình của Nguyễn Du, những người ấy có đến hàng triệu. Những người ấy hôm nay không nhỏ nước mắt khóc Nguyễn Du mà rất phấn khởi kỉ niệm Nguyễn Du, lắng nghe lại tiếng nói sâu sắc của Nguyễn Du, trong khi tiếng súng chống Mĩ cứu nước vẫn nổ giòn suốt từ Nam chí Bắc.

... Giữa lúc cuộc chiến đấu chống Mĩ đang diễn ra ác liệt trên cả hai miền, Ban bí thư Trung ương Đảng đã chỉ thị tổ chức trọng thể lễ kỉ niệm Nguyễn Du trong cả nước và theo đề nghị của Hội đồng hòa bình thế giới, lần đầu tiên một danh nhân văn hóa Việt Nam được kỉ niệm ở nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mĩ. Trong một bài thơ viết vào dịp ấy, Tố Hữu sau khi phê phán cái nhìn tối tăm không lối thoát của Nguyễn Du, đã hết lời ca ngợi tấm lòng ưu ái của nhà thơ và đối với tiếng thơ Nguyễn Du đã có một sự đánh giá cao, xưa nay chưa từng thấy:

Tiếng thơ ai động đất trời!

Nghe như non nước vọng lời nghìn thu

Ngàn năm sau nhớ Nguyễn Du

Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày

(Kính gửi cụ Nguyễn Du)

Tố Hữu đã nói lên tất cả tấm lòng yêu quý và biết ơn của chúng ta với nhà thơ cổ điển lớn nhất trong văn học Việt Nam. Đúng là tiếng thơ ấy, yêu thương như tiếng ru của mẹ, tha thiết như tiếng gọi của quê hương, nghìn năm sau sẽ còn vọng mãi.

(Hoài Thanh)

ĐỀ TỔNG HỢP NÂNG CAO

Nhận định về phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu, SGK Văn học 12, Tập một, NXB Giáo dục, H., 2002 viết: “... thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị”.

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

I. TÌM HIỂU ĐỀ

- Đề thuộc kiểu bài bình luận một vấn đề văn học (về đặc trưng phong cách một nhà thơ).

- Bài làm không chỉ bàn luận về sự kết hợp giữa chất “trữ tình” và “chính trị” trong thơ Tố Hữu mà còn phải đặt thơ Tố Hữu vào trong tương quan với các nhà thơ khác thuộc khuynh hướng thơ trữ tình chính trị. Từ đó làm sáng tỏ thơ Tố Hữu là “tiêu biểu” cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị.

- Về phạm vi kiến thức: học sinh có thể vận dụng các kiến thức về thơ Tố Hữu và thơ văn cách mạng trong và ngoài nhà trường để làm sáng tỏ yêu cầu của đề.

II. DÀN BÀI SƠ LƯỢC

1/ Mở bài:

- Thế kỉ XX đối với dân tộc Việt Nam là một thế kỉ Cách mạng. Cách mạng không chỉ đổi thay số phận dân tộc mà còn đem đến cho thơ ca, văn học một nguồn mạch mới. Một khuynh hướng chủ đạo của văn học thế kỉ này là khuynh hướng thơ trữ tình chính trị mà Tố Hữu là một nhà thơ tiêu biểu.

- Đúng như SGK Văn học 12 nhận định “*Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị*”.

2/ Thân bài: Bài làm cần đảm bảo nội dung sau:

- Mối quan hệ biện chứng giữa “*thơ trữ tình*” và “*chính trị*” trong thời đại cách mạng;

- Các kiểu thơ trữ tình chính trị và nét độc đáo trong thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu.

- Những biểu hiện của thơ trữ tình chính trị ở thơ Tố Hữu và những đóng góp mới mẻ của nó trong đời sống sáng tác văn học đương thời. Trên cơ sở đó đánh giá và chỉ ra ý nghĩa văn học sử của phong cách thơ Tố Hữu.

3/ Kết bài:

- Từ hiện tượng thơ trữ tình của Tố Hữu rút ra một vấn đề có tính lí luận: mối quan hệ giữa văn học và thực tiễn đời sống chính trị; giữa nhà văn và nhà chính trị.

- Khẳng định ý nghĩa và đóng góp quan trọng của thơ Tố Hữu trong dòng văn học cách mạng của dân tộc.

III. TÚ LIỆU THAM KHẢO

“Một hiện tượng thơ khi đã phát triển trọn vẹn, viên mãn cần được xác định và gọi tên. Xác định đúng, gọi tên đúng mới đánh giá đúng. Thơ Tố Hữu thường được gọi bằng các tên khác như thơ tranh đấu, thơ thời cuộc, thơ thời sự, thơ cảm hứng xã hội, thơ chính trị, thơ đặt hàng... Gọi là thơ đặt hàng rõ ràng là không hay vì nó gọi lên một quan hệ hàng hóa, gọi là thơ tranh đấu, thơ thời cuộc tuy chỉ ra tác dụng xã hội nhưng còn chung chung. Gọi là thơ thời sự và thơ cảm hứng xã hội đều chưa xác đáng bởi vì cốt lõi trong thơ Tố Hữu không phải là các sự kiện thời sự hay các vấn đề xã hội khác nhau mà là tình cảm chính trị, ý thức chính trị thường trực.

Thơ Tố Hữu là thơ thể hiện các tư tưởng, tình cảm chính trị của thời đại, là thơ phát hiện ý nghĩa chính trị của các hiện tượng đời sống. Mồ côi rõ ràng là một hiện tượng xã hội có thể nói thời nào cũng có, nhưng với con mắt chính trị, Tố Hữu nhìn ra một điều: xã hội hiện tại lúc ấy không quan tâm đến vấn đề đó – *Thờ ơ con mắt lạnh*. Nhìn chúng: “*Có hề chi*”. Mô típ lạnh lùng còn được nhà thơ sử dụng nhiều lần nữa để thể hiện tư tưởng cất đút ảo tưởng đối với xã hội cũ, do đó khác hẳn xu hướng cảm thương uỷ mị. Qua bức tranh *Hai đứa bé*, ông chỉ ra xung đột của hai thế giới, qua số phận người vú em, ông nhận ra vấn đề “chế độ”.

Điều hết sức thú vị là trong tập thơ *Từ ấy*, Tố Hữu đề cập hết các hiện tượng xã hội được thể hiện trong Thơ mới lãng mạn và văn học hiện thực phê phán đương thời, và qua mỗi hiện tượng ông đều phát hiện ra *ý nghĩa chính trị* của chúng. Ông nhìn ra giải pháp cho mọi vấn đề bằng con đường đấu tranh chính trị.

Đối với Tố Hữu, các hiện tượng “*mồ côi*”, “*lạc loài*”, “*lầm than*”, “*lạnh lùng*”, “*khổ tui*”, “*thâm sâu*”, “*hắt hủi*”, “*dâm ô*”, “*cô đơn*”, “*điều tàn*”, “*đẹp và thơ*” ... đều có nội dung xã

hội cụ thể, chứ không phải là các hiện tượng chung chung, nghiệp dĩ của kiếp người. Tiếng đàn em bé hát rong, theo ông, phải là một hành vi chống lại chế độ cũ. Hai cái chết của hai đứa cháu người hành khất phải là cơ sở để nuôi cảm hờn. Nhà thơ hướng mọi vấn đề xã hội vào một hướng duy nhất: *Cách mạng*.

Đối diện với văn thơ lãng mạn tiêu cực về mặt chính trị – đúng như Hoài Thanh nhận định, - Tố Hữu đã “chọi lại”, “chọi lại trên vấn đề cơ bản là thái độ sống và nhận thức chính trị”. Chọi lại như thế nào? Tố Hữu đã đưa lại cho các hiện tượng xã hội ấy một nội dung cụ thể, kéo chúng từ sự nhận thức trừu tượng trở về với mảnh đất hiện thực. Các bài *Dừng dưng, Tháp đổ, Điều tàn, Nhớ người*, thể hiện rất rõ cho khuynh hướng đó. Ngay bài *Lao Bảo* mà rất nhiều khi bị xem là bằng chứng của việc nhà thơ “*chưa thoát khỏi*” ảnh hưởng tiêu cực của thơ mới, ta cũng thấy nhà thơ “*chọi lại*” bằng cách chỉ ra một hiện tượng *điều tàn*, nhưng là do đế quốc Pháp gây nên. Đây cũng có “*xương tàn*”, “*nắm mồ bao khối nảo*”, có “*huyết ú dưới lời than*”, nhưng là do “*Roi đế quốc, bóng súng trường quất xé. Thịt hi sinh của những kiếp đi dày*”. Và đó là cơ sở để cảm hờn, nung nấu ý chí chiến đấu.

Trường hợp này cũng như nhiều trường hợp khác của *Từ ấy*, không thể căn cứ vào sự giống nhau của hình ảnh mà kết luận là nhà thơ đã chịu ảnh hưởng tiêu cực hay tích cực của Thơ mới. Cái quyết định trong quan hệ ảnh hưởng không chỉ ở tính chất tích cực hay tiêu cực của hiện tượng văn học có trước, mà ở lập trường, bản lĩnh của chủ thể tiếp nhận. Tố Hữu đã cắt nghĩa lại, giải thích lại, đổi mới hẳn nội dung của các hiện tượng đó. Tiếp nhận ở đây có nghĩa là cải tạo và đổi mới.

Thơ Tố Hữu cũng có xuân ý, trời hồng, phảng phất của thơ Xuân Diệu. Nhưng Xuân Diệu, mùa xuân gắn với tuổi trẻ hưởng thụ của người cá nhân, còn ở Tố Hữu là “xuân nhân loại”, xuân của thời đại mới – một mùa xuân mang đầy nội dung cách mạng. Vậy thì ở đây, nên nói cái nào ảnh hưởng cái nào? Cái quyết định vẫn là tư tưởng và bản lĩnh người tiếp nhận. Ở đây thể hiện rõ bản sắc vững vàng của một nhà thơ chính trị.

Thường có ý kiến cho rằng thơ Tố Hữu có ít những hiện tượng đời thường, ít các chi tiết thường nhật, thơ ông thiên về tổng hợp và về “cái lịch sử”, thơ ông ít viết về tình yêu. Đó là những nhận xét có cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề không chỉ ở phương diện ít hay nhiều, mà chủ yếu ở tính chất của khái quát. Thực ra nhiều bài thơ của Tố Hữu không ít các chi tiết đời thường, hình ảnh của thực tại. Ta có thể căn cứ vào chi tiết mà nhận ra là bài thơ viết thời nào. Điều chủ yếu là nhà thơ tập trung khai thác khía cạnh nội dung chính trị của đời thường. Do đó, cái tiêu biểu của thơ Tố Hữu chủ yếu không nằm ở phía tái hiện đời thường, mà ở phía khái quát chính trị sâu sắc, thấm thía, đậm đà. Chẳng hạn như bài *Người con gái Việt Nam* hầu như chẳng có chi tiết sinh hoạt đời thường nào, mà rất “Tố Hữu”, và rất hay. Ngay tập thơ *Việt Bắc* giàu hiện tượng đời thường hơn cả nội dung của nó vẫn là ý thức chính trị của con người kháng chiến, khác hẳn chi tiết đời thường kiểu Na-dim Hi-cơ-mét.

Không phải đợi đến bài *Quê mẹ* nhà thơ mới đưa các chi tiết đời tư vào đây. Ta đã biết Tố Hữu đưa đời tư vào ngay bài thơ đầu tiên của tập *Từ ấy*: bài *Mồ côi*. Nhà thơ mất mẹ từ khi ông hãy còn bé. Ông nhắc đến mẹ với những lời thơ rất mực thiết tha, nhưng thường bao giờ cũng gắn liền với lòng biết ơn Đảng: “*Mẹ không còn nữa, con còn Đảng. Dù dẫu khi con chưa biết gì*”, hay “*mẹ ơi, mẹ sinh con ra trong cực khổ. Mẹ chưa hay từ đó có Liên xô. Có Lê-nin hằng che chở con thơ...*”. Nhắc đến con mình, nhà thơ liền nghĩ: “*Còn bao nhiêu*

chưa được ngủ trong nôi. Miền Bắc thiên đường của các con tôi”. Cả tình yêu đôi lứa cũng thấm nhuần nội dung chính trị: “Mà nói vậy: Trái tim anh đó. Rất chân thật chia ba phần tươi đỏ. Anh dành riêng cho Đảng phần nhiều. Phần cho thơ và phần để em yêu...”. Hoặc “Khi âu yếm cùng anh, em hỏi. Tên nào trong muôn ngàn tên gọi. Như mỗi tình chung thủy không tan? - Trong lòng anh, tên ấy: Miền Nam!”.

Nhiệt tình chính trị của nhà thơ luôn luôn thường trực trong mọi trường hợp, xâm chiếm vào mọi lĩnh vực đời sống. Và như vậy dẫu cái đời thường có đi vào thơ Tố Hữu nhiều hơn nữa, chất sinh hoạt vẫn không thể tăng lên. Đó cũng là một hiện tượng có quy luật của văn học vô sản trong những thời kì đầu, chẳng hạn như *Người mẹ* của M. Go-rơ-ki hay *Thép đã tôi thế đấy* của N. Ôt-xơ-rốp-xki. Nói về phong cách M. Go-rơ-ki trong *Người mẹ*, nhà phê bình văn học Xô viết A. Chi-che-rin cho rằng đó là một chủ nghĩa hiện thực không thể hiện ở “miêu tả các chi tiết sinh hoạt và tâm lí mà ở trong sự tái hiện một cách cụ thể và mạnh mẽ phi thường, nhưng lại kháis quát chặt chẽ, tươi tắn, trang trọng về những người công nhân và nông dân Nga trước cách mạng 1905”.

Nói về *Thép đã tôi thế đấy*, có nhà phê bình Xô Viết gọi đó là “*một cuộc sống không có đời thường*”.

Cách tiếp cận ấy rất gần với Tố Hữu. Chính nhà thơ đã nhiều lần liên hệ ngày sinh của mình với ngày sinh của Liên Xô (cũ), của Đảng và của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Có thể nói Tố Hữu là nhà thơ chính trị từ trong máu thịt, cốt tủy.

Là một nhà thơ, ông chỉ biết có cuộc sống duy nhất – cuộc sống chính trị. Có thể nói “*Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ. Mặt trời chân lí chói qua tim*” mới thực là ngày khai sinh và điểm khởi đầu của đời ông. Các giai đoạn cách mạng, những ngày lễ lớn, những sự kiện trọng đại của đất nước mới thật sự là những cái mốc trong cuộc đời tình cảm của ông. Ông không chỉ ở tù có mấy năm rồi sau vượt ngục. Ông dường như đã ở tù suốt trăm năm, nghìn năm. Ông không sống cuộc đời có tình yêu đôi lứa, không có dấn vật đời thường, ông sống trọn vẹn cuộc đấu tranh suốt trăm năm cho tự do, độc lập của nhân dân ta. Trái tim ông đập nơi cảnh đói nghèo, bơ vơ do xã hội cũ tạo nên, nó rớm máu dưới giày đinh của thực dân đế quốc. Ông nghệt thở nơi đất nước bị chia cắt làm đôi, ông đau đớn với cỏ cây, rừng núi Việt Nam thắm đầy chất độc màu da cam của Mĩ. Ông bay múa trong ngày Tổ quốc giải phóng, ông trẻ lại cùng đất nước hồi sinh. Bao giờ Tố Hữu cũng giữ cho tình cảm mình rung động mãnh liệt với ý nghĩa chính trị của các hiện tượng đời sống. Ngay thường thức phong cảnh thiên nhiên, nhà thơ cũng suy nghĩ tới chính trị.

Hoài Thanh có lần nhắc lại: “Tố Hữu có lần nói, nghe chim kêu, thấy nắng đẹp mà không nghĩ do đâu mà có thì đánh giá mọi thứ đều sai”. Khi đứng trước một người ân nhân cách mạng sắp mất, nhà thơ cũng không hề để lộ niềm thương xót riêng tư, mà triển miên trong lễ sống cách mạng lớn lao:

Anh nghe thu rút lá gọi đời đi

Tôi thấy cả một mùa xuân bước lại...

(Những người không chết)

Như vậy thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu dựa trên tiền đề thống nhất hoàn toàn, lưỡng khi là đồng nhất chủ thể trữ tình cá nhân và chủ thể của hoạt động chính trị là giai cấp, Đảng, Nhân dân, Tổ quốc. Sự thống nhất cao độ ấy tự nó đã thủ tiêu lí do phân biệt tuyên truyền và trữ tình, làm gần lại phút bùng cháy của tâm hồn trữ tình với thời điểm bùng nổ

của sự kiện chính trị. Tố Hữu đã kết hợp một tình cảm yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội thuần túy nhất với một tình cảm cá nhân đậm thắm trong sáng nhất. Nhờ thế, ông đã sáng tạo được một thế giới nghệ thuật độc đáo của thơ trữ tình chính trị và nâng nó lên một trình độ mới.

*(Trần Đình Sử, Thi pháp thơ Tố Hữu,
NXB Văn hóa Thông tin, H., 2001)*